TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

Ngày 27/08/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	114,75	+0,05	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	96,20	-1,00	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	75,65	-1,00	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	76,50	-0,50
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	55,75	-0,25

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	46,00	+0,00	365,24	+1,28
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	64,25	+0,00	510,13	+1,77
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	76,50	-1,25	607,40	-7,77

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018

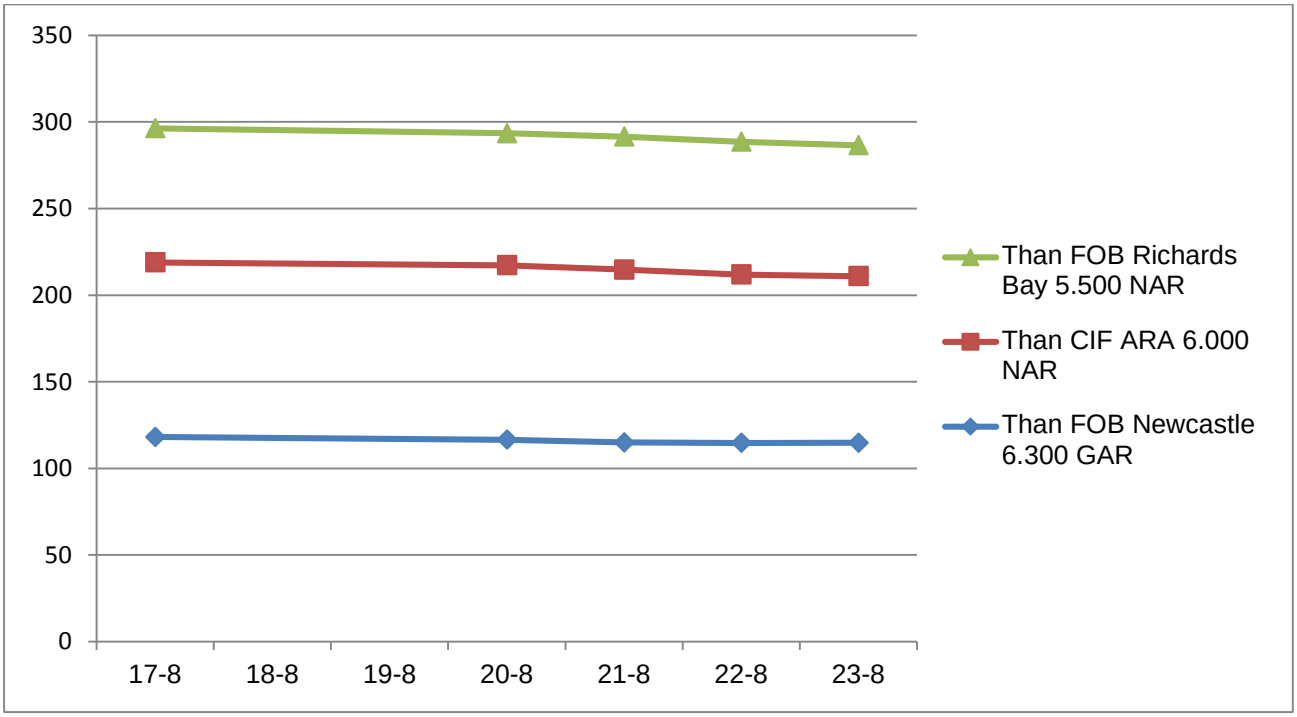

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 23/08/2018)

ĐIỂM TIN

Ấn Độ tăng cường nhập khẩu than trong tháng 8

Trong tháng 8, tổng lượng than nhập khẩu của Ấn Độ có thể đạt 17,7 triệu tấn, theo số liệu theo dõi tàu và cảng của Thomson Reuters, số liệu trong tháng 7 là 17,4 triệu tấn. Ấn Độ đang trên đà nhập khẩu than cao nhất trong vòng ba năm trở lại đây cho dù giá than nhiệt đã tăng lên mức cao nhất trong sáu năm rưỡi, giá than Newcastle được giao dịch trên 120 USD/tấn gần đây, đẩy giá trung bình tám tháng đầu năm nay cao hơn khoảng 18% so với cùng kỳ năm trước. Việc tăng giá phần lớn do Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu, một phần do hạn chế sản lượng tại các mỏ trong nước và một phần do nhiệt độ cao khiến nhu cầu tăng mạnh gây ra. Trước đây, hoạt động nhập khẩu than tại Ấn Độ, đặc biệt là phục vụ cho sản xuất điện, được cho là khá nhạy cảm với biến động giá và có khả năng giảm nếu giá tăng, như đã xảy ra trong những tháng đầu năm nay. Nhưng nhập khẩu than của Ấn Độ đã có xu hướng tăng trong những tháng gần đây, bất chấp giá cả tăng cao.

Dữ liệu từ Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ cho thấy lượng than nhập khẩu đã được sử dụng trong các nhà máy điện đang giảm, sản lượng trong quý II đã giảm 14% so với quý I. Điều này cho thấy ngành điện đã phản ứng với việc giá than nhập khẩu tăng và một lượng lớn than nhập khẩu tại Ấn Độ được sử dụng cho các mục đích khác ngoài sản xuất điện. Có khoảng 30 gigawatts (GW) điện than đến từ các nhà máy điện phục vụ tư nhân, bao gồm các nhà máy nhôm, xi măng và các ngành công nghiệp khác, các nhà máy này phụ thuộc phần lớn vào than nhập khẩu bởi nhu cầu của họ không được Coal India ưu tiên. Các nhà máy này cần khoảng 96 triệu tấn than nhiệt/năm, chiếm khoảng 2/3 lượng than nhập khẩu hiện nay.

Trong bảy tháng đầu năm, Ấn Độ đã nhập khẩu 112,5 triệu tấn than, Indonesia là nhà cung cấp lớn nhất với 43,4 triệu tấn. Tuy nhiên, thị phần của Indonesia tại thị trường Ấn Độ đang giảm dần, chiếm 38,6% trong bảy tháng đầu năm 2018, trong khi cả năm 2017 đạt 43,8%. Ngược lại, thị phần của than Nam Phi tại Ấn Độ trong cùng kỳ đã tăng lên 18,1% từ 17,1% năm 2017, Mỹ tăng lên 9,6% từ mức 7,1%. Nam Phi và Mỹ cung cấp các loại than nhiệt trị cao hơn so với Indonesia. Thị phần của than Úc tại Ấn Độ cũng tăng lên 23,9% trong bảy tháng đầu năm 2018 từ 22,6% trong năm 2017. Tuy nhiên, phần lớn than xuất khẩu của Úc cho Ấn Độ là than cốc, được sử dụng trong sản xuất thép, phản ánh sản lượng thép tăng, cũng như nguồn cung nội địa khan hiếm đối với loại than cao cấp này.

Than Mỹ chuyển hướng từ Trung Quốc sang Hàn Quốc do chiến tranh thương mại

Trong ngày thứ 6 (24/06), một tàu chở than từ Mỹ đã chuyển hướng từ Trung Quốc sang Hàn Quốc, một ngày sau khi Trung Quốc áp đặt mức thuế 25% cho nhiên liệu của Mỹ. Tàu The Underdog chở theo 63.000 tấn than xuất phát từ ngày 23 tháng 7 tại Long Beach, California và hướng đến Trung Quốc. Tàu đã đến bờ biển Nanshan vào ngày 17 tháng 8 và trải qua một tuần neo đậu ngoài khơi Trung Quốc trước khi khởi hành đi Yeosu, Hàn Quốc, dự kiến sẽ cập cảng vào ngày 28 tháng 8, theo dữ liệu của Thomson Reuters. The Underdog là một trong một số nhiều tàu của Mỹ phải thay đổi điểm đến trong bối cảnh tranh chấp thương mại của Mỹ với Trung Quốc. Tháng trước, một tàu của Navios Taurus đã phải đến Singapore thay vì điểm đến ban đầu là Trung Quốc.

Hôm thứ 5 tuần trước, Mỹ đã bắt đầu đánh thuế 25% lên hàng hóa Trung Quốc bao gồm chất bán dẫn, nhựa và thiết bị đường sắt. Trung Quốc đã đáp trả bằng cách áp đặt thuế lên khối lượng hàng hóa có trị giá 16 tỷ USD, bao gồm dầu, than, các sản phẩm thép và thiết bị y tế. Khối lượng than Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc đã giảm mạnh trong tháng 7, chỉ có hai tàu, Navios Altair I và Glory, khởi hành từ California đến Trung Quốc vận chuyển 128.000 tấn than và không có chuyến hàng than nào trong tháng 8, theo dữ liệu của Thomson Reuters. Mỹ đã xuất khẩu 3,2 triệu tấn than cho Trung Quốc trong năm ngoái, tăng từ dưới 700 tấn trong năm 2016 và trở thành nhà cung cấp lớn thứ 7 của nước này.

South32 bắt đầu mở rộng South Africa Energy Coal trong tháng 9

South32 mới đây đã công bố kế hoạch mở rộng quy mô của South Africa Energy Coal (SAEC) và sẽ bắt đầu từ tháng 9 tới đây. CEO của South32, ông Graham Kerr cho biết:"Đây là thời điểm tốt nhất tại Nam Phi, khi Eskom đang cần than, và khả năng thanh khoản của thị trường cao. Chúng tôi chưa

chính thức bắt đầu quá trình này, nhưng chắc chắn chúng tôi đã nhận được sự quan tâm lớn từ nhiều bên đối tác và sẽ tiếp tục trong nửa cuối năm dương lịch".

Trong năm 2017, South32 đã tuyên bố ý định xây dựng SAEC, công ty sở hữu các mỏ Khutala, Klipspruit, Middelburg, Wolwekrans và nhà máy chế biến ở Mpumalanga, như một doanh nghiệp độc lập, cho phép công ty thu gọn mô hình tại khu vực và đơn giản hóa công ty. Kế hoạch này dự kiến sẽ tiết kiệm được 50 triệu USD chi phí trong một năm kể từ năm tài chính 2020 trở đi. Ông Kerr hôm thứ 4 (22/8) cho biết tập đoàn đang đi đúng hướng trong việc thiết lập SAEC như một doanh nghiệp độc lập, với một đội ngũ lãnh đạo riêng biệt và khung quản trị riêng được bổ nhiệm. Khoản đầu tư trị giá 4,3 tỷ USD để gia hạn thời gian khai thác của mỏ Klipspruit trong 20 năm cũng đã được phê duyệt. Hôm thứ 5 (23/8), South32 cũng đã báo cáo kết quả tài chính khả quan, với doanh thu tăng 16% lên 1,3 tỷ USD.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	11,45	-0,55
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	13,25	-0,70
	New South Wales	Hàn Quốc	14,10	-0,70
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,30	+0,50
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,00	+0,20
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,50	+0,50
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,50	+0,20
	Úc	Trung Quốc	13,25	+0,50
	Úc	Ấn Độ	15,50	+0,75

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 23/08/2018)